

Số: /GCN-SXD(GĐCL)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đề nghị của Trung tâm tư vấn cầu đường – Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/11/2024 và Biên bản đánh giá nội dung khắc phục ngày 05/12/2024 giữa các thành viên đoàn đánh giá Sở Xây dựng và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**CHỨNG NHẬN:**

**1. Trung tâm tư vấn cầu đường – Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 266/ĐK-KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp ngày 09 tháng 02 năm 2010.

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02437 663238

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 8 ngách 106/5 Trần Bình, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

**2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.119**

**3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.**

**Nơi nhận:**

- Trung tâm tư vấn cầu đường – Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Viện KHCN&KTXD HN;
- Lưu: VT, GĐCL(HNDuy, 05b).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thế Công**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.119**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số /GCN-SXD(GĐCL) ngày tháng năm 2024)*

<b>STT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật*</b>
<b>I</b>	<b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>	
1	Xác định Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định hàm lượng cát tương đương	AASHTO T 176-02
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
8	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN7572-12:2006
9	XĐ hàm lượng hạt trôi	TCVN7572-13:2006
10	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006
11	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18:2006
12	XĐ hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006
13	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magnesi sunfat	TCVN7572-22:2018
<b>II</b>	<b>Thử nghiệm cơ lý đất</b>	
14	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
15	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
16	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
17	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
18	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
19	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
20	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
21	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
22	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012

<b>STT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật*</b>
23	Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
24	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
25	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
26	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012
27	Xác định đặc tính co ngót	TCVN 8720:2012
28	Hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012
<b>III</b>	<b>Thử nghiệm tại hiện trường</b>	
29	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012
30	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
31	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng benkelman	TCVN 8867:2011
32	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
33	Độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
34	Quy trình thử nghiệm cầu: Đo chuyển vị, độ võng, ứng suất	22TCN 170-87
35	Bê tông nặng: xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
36	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
<b>IV</b>	<b>Vật liệu gia cố bằng chất kết dính</b>	
37	Gia cố đất nền yếu bằng Phương pháp trụ đất xi măng: Xác định cường độ kháng nén của mẫu gia cố	TCVN 9403:2012
38	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
39	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
<b>V</b>	<b>Thử nghiệm Bentonite</b>	
40	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Độ tách nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; Độ PH; Tính ổn định	TCVN 11893:2017
<b>VI</b>	<b>Bê tông nhựa</b>	
41	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:2011
42	Xác định hàm lượng nhựa nhựa bằng pp chiết	TCVN 8860-2:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
43	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
44	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
45	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN	TCVN 8860-5:2011
46	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
47	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011

**Ghi chú (\*):** Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.